

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 718 /QĐ-ĐT, ngày 12/3/2013
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
 - + Tiếng Anh: International Economics
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 62 31 01 06
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ Kinh tế quốc tế
 - + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in International Economics
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Kinh tế quốc tế
 - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in International Economics
- Đơn vị đào tạo: Trường ĐH Kinh tế ĐHQG Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Tiến sĩ theo định hướng chuyên gia, lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, có kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế hiện đại, có phương pháp tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế quốc tế như các lý thuyết trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới hiện đại, các chính sách về Thương mại quốc tế, Đầu tư quốc tế, Tài chính quốc tế, các thể chế kinh tế quốc tế trong nền kinh tế toàn cầu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp tư duy khoa học, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế quốc tế, quan hệ kinh tế quốc tế; đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới dựa trên những kiến thức

chuyên sâu về kinh tế quốc tế hiện đại; có khả năng viết và thuyết trình một cách chuyên nghiệp và khoa học các công trình nghiên cứu về kinh tế quốc tế.

Kết thúc chương trình, nghiên cứu sinh có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có thể tự triển khai các công trình nghiên cứu chuyên sâu, trong tương lai có thể trở thành các chuyên gia cao cấp trong việc nghiên cứu, phân tích, tư vấn, phản biện, hoạch định và thực thi chính sách trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, hoặc trở thành giảng viên trình độ cao, giảng dạy chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

3.1.1. *Đối tượng từ thạc sĩ:* xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN

3.1.2. *Đối tượng từ cử nhân:* kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn

- Môn thi Cơ bản: Toán kinh tế
- Môn thi Cơ sở: Kinh tế học
- Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh (theo quy định của Đại học quốc gia Hà Nội)
- Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. *Về văn bằng và công trình đã công bố:* Đạt một trong những yêu cầu sau:

- a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng và công trình đã công bố:

- Có bằng thạc sĩ ngành Kinh tế Đối ngoại/Kinh tế quốc tế hoặc phù hợp hoặc ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế.

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế đối ngoại/Kinh tế quốc tế. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải học bổ túc kiến thức theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành kinh tế loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi. Nội dung các bài báo phải phù hợp với ngành kinh tế quốc tế.

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành kinh tế, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi. Nội dung các bài báo phải phù hợp với ngành kinh tế quốc tế

- Được giới thiệu từ ít nhất hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án.

- Có bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kì của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

3.2.2. Về kinh nghiệm công tác:

- Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

3.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần

TT	Tên gọi	Ghi chú
1	Kinh tế học	
2	Kinh tế chính trị	
3	Kinh tế đầu tư	
4	Kinh tế phát triển	
5	Kinh tế quốc tế	
6	Quản lý kinh tế	
7	Quản trị kinh doanh	
8	Tài chính - Ngân hàng	
9	Kinh doanh thương mại	
10	Chính sách công	
11	Quản lý công	

TT	Tên gọi	Ghi chú
12	Quản trị nhân lực	
13	Kế toán – Kiểm toán	
14	Bảo hiểm	

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 5 NCS/năm

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS từ cử nhân)

Khối kiến thức chung gồm các môn lí luận chính trị (Triết học) và Ngoại ngữ cơ bản, giúp học viên có nền tảng về ngoại ngữ và phương pháp luận trong việc nhìn nhận, phân tích, đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

Khối kiến thức nhóm chuyên ngành trang bị cho người học phương pháp luận nghiên cứu và sử dụng được phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội; có hiểu biết sâu về tri thức nền tảng của các chuyên ngành thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế, có khả năng vận dụng những tri thức đó trong nghiên cứu và hoạt động thực tiễn.

1.3. Kiến thức chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

Khối kiến thức chuyên ngành gồm những học phần chuyên sâu cho chuyên ngành kinh tế quốc tế.

1.4. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ

- Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế một cách khoa học.
- Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng trong nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế, đưa ra các giải pháp và kiến nghị.

1.5. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

- Luận án có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án bao gồm các phần và chương sau:

+ Phần mở đầu: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lí do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

+ Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

+ Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lí thuyết, lí luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

+ Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

+ Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

+ Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án và Phụ lục của luận án (nếu có).

1.6. Yêu cầu về số lượng và chất lượng của công trình khoa học sẽ công bố

- Trước khi đăng ký bảo vệ Luận án cấp cơ sở, nghiên cứu sinh phải có tối thiểu 2 bài báo đã được đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành thuộc danh mục các Tạp chí được tính điểm công trình theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước. Nội dung bài báo phải phù hợp với định hướng nghiên cứu của đề tài Luận án.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

- Phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phản biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế quốc tế dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế quốc tế.

- Tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới, tương quan mới, phân tích lý giải mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

- Tư duy hệ thống, phương pháp nghiên cứu liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế quốc tế hiện đại.

- Nghiên cứu độc lập hay tổ chức nhóm nghiên cứu, tìm ra cách thức mới hay vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế quốc tế hiện đại.

- Viết hoặc thuyết trình một cách chuyên nghiệp và khoa học các công trình nghiên cứu chuyên sâu về kinh tế quốc tế.

2.2. Kỹ năng mềm

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế có các kỹ năng cơ bản như sau:

- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.
- Có kỹ năng viết và thuyết trình, lý giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.

- Tiếng Anh đạt Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu chung tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL.

- Sử dụng thành thạo phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên các phần mềm như SPSS, Eviews hoặc STATA...

3. Về năng lực

3.1. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1 - Chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách
- Nhóm 2 - Nghiên cứu viên và giảng viên trình độ cao

3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

- **Nhóm 1 - Chuyên gia hoạch định, phân tích, tư vấn chính sách:** Có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế; tài chính quốc tế; đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của chính phủ cũng như các tổ chức quốc tế như UN, ADB, IMF, WB, iNGOs...

- **Nhóm 2 - Nghiên cứu viên và giảng viên trình độ cao:** Có khả năng tự nghiên cứu sáng tạo và giảng dạy chuyên sâu tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

4. Về phẩm chất đạo đức:

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Đam mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường kinh tế quốc tế thường xuyên biến động.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 98 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.3. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 126 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức bổ sung: 36 tín chỉ

+ Khối kiến thức chung (bắt buộc): 7 tín chỉ

+ Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: 11 tín chỉ

- Bắt buộc: 9 tín chỉ

- Tự chọn: 2/6 tín chỉ

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ

- Bắt buộc: 12 tín chỉ

- Tự chọn: 6/14 tín chỉ

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ

- Bắt buộc: 6 tín chỉ

- Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
I.1	Các học phần tiến sĩ		8				
I.1.1	Các học phần bắt buộc		6				
1	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
2	INE 8002	Lý thuyết thương mại quốc tế	2	20	10	0	
3	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế	2	20	10	0	
I.1.2	Các học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				
4		Học phần tự chọn	2				
I.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao						
5	INE 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
I.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6				
6	INE 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
7	INE 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
8	INE 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
II.4	Tiểu luận tổng quan		2				
II	PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
III	PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
9	INE 9001	Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			90				

2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành gần

	Mã số học	Tên học phần	Số	Số giờ tín chỉ	Mã số các
--	-----------	--------------	----	----------------	-----------

STT	phần		tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	học phần tiên quyết
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG						
I.1	Học phần bắt buộc		6				
1	INE 6004	Kinh tế thế giới hiện đại	3	30	15	0	
2	INE 6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	3	30	15	0	
I.2	Học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế quốc tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				
3		Học phần tự chọn	2				
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1	Các học phần tiến sĩ		8				
II.1.1	Các học phần bắt buộc		6				
4	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
5	INE 8002	Lý thuyết thương mại quốc tế	2	20	10	0	
6	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế	2	20	10	0	
II.1.2	Các học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				
7		Học phần tự chọn	2				
II.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao						
8	INE 8101	Tiếng Anh học thuật nâng	4	0	0	60	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		cao					
II.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6				
9	INE 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
10	INE 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
11	INE 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
II.4	Tiểu luận tổng quan		2				
III	PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
IV	PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
12	INE 9001	Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			98				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG						
I.1	Khối kiến thức chung		7				
1	CTP 5001	Triết học	3	45	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản	4	30	30	0	
I.2	Khối kiến thức nhóm chuyên ngành		11				
I.2.1	Các học phần bắt buộc		9				
3	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật	3	25	20	0	ENG 5001
4	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn	2	20	10	0	
5	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô	2	20	10	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
6	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	2	20	10	0	
I.2.2	Các học phần tự chọn		2/6				
7	PEC 6003	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển	2	20	10	0	
8	PEC 6009	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	2	20	10	0	
9	PEC 6024	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	2	20	10	0	
I.3	Khối kiến thức chuyên ngành		18				
I.3.1	Các học phần bắt buộc		12				
10	INE 6006	Thương mại quốc tế	3	30	15	0	
11	INE 6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế	3	30	15	0	
12	INE 6019	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn	3	30	15	0	
13	INE 6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	3	30	15	0	
I.3.2	Các học phần tự chọn		6/14				
14	INE 6004	Kinh tế thế giới hiện đại	2	20	10	0	INE 6003
15	INE 6008	Các thị trường và định chế tài chính	2	20	10	0	PEC 6006
16	INE 6009	Tài chính công	2	20	10	0	
17	INE 6010	Quản lý dự án quốc tế	2	20	10	0	PEC 6006
18	INE 6011	Công ty xuyên quốc gia: chuyển giao công nghệ và phát triển	2	20	10	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
19	INE 6012	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển.	2	20	10	0	
20	PEC 6025	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế	2	20	10	0	
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1	Các học phần tiên sĩ		8				
II.1.1	Các học phần bắt buộc		6				
21	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
22	INE 8002	Lý thuyết thương mại quốc tế	2	20	10	0	
23	INE 8003	Lý thuyết đầu tư quốc tế	2	20	10	0	
II.1.2	Các học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				
24		Học phần tự chọn	2				
II.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao		4				
25	INE 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
II.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6				
26	INE 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
27	INE 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
28	INE 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
II.4	Tiểu luận tổng quan		2				

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III	PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
IV	PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
29	INE 9001	Luận án tiến sĩ	70				
		Tổng cộng	126				